

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI KTN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI KTN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KTN TRADING, CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KTN TRADING, CONSULTING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110809097

3. Ngày thành lập: 08/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 109 ngõ 281 đường Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981836980

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện	3511(Chính)
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn năng lượng (theo Khoản 3, Điều 43 Luật Sử dụng Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010); - Hoạt động phiên dịch.	7490
3.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
4.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
5.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán buôn điện, bán lẻ điện (loại trừ truyền tải điện độc quyền Nhà nước) (theo Điều 3 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi năm 2012)	3512
6.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
8.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
9.	Hoạt động hậu kỳ	5912
10.	Hoạt động chiếu phim	5914

11.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hoá và giải trí cho khách hàng, bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; - Việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp; - Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất; - Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (theo Điều 10, 13 và 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).	9000
12.	In ấn	1811
13.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
14.	Trồng lúa	0111
15.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
16.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
17.	Trồng cây mía	0114
18.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
19.	Trồng cây lấy sợi	0116
20.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
21.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
22.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm; - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
25.	Trồng cây điều	0123
26.	Trồng cây hồ tiêu	0124
27.	Trồng cây cà phê	0126
28.	Trồng cây chè	0127
29.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
30.	Trồng cây lâu năm khác	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
33.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
34.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
35.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
36.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145

37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
39.	Khai thác gỗ	0220
40.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
41.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
42.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; - Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...); - Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; - Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng; - Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng; - Vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng. - Hoạt động sơ chế gỗ trong rừng. - Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng.	0240
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
44.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
45.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
46.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

47.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
48.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
49.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
50.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
51.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
52.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
55.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
56.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
57.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
58.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
59.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
60.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
62.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
63.	Bán buôn thực phẩm	4632
64.	Bán buôn đồ uống	4633
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
69.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn cao su; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn plastic và các sản phẩm từ plastic.	4669
71.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
72.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

* Họ và tên: NGUYỄN MINH THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Công ty*

Sinh ngày: 07/09/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001199003219

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P209-A11 TT Khương Thượng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 109 ngõ 281 đường Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội